

Số: 82 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 26 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Đức Phát ngày 12 tháng 6 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3212/TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Đức Phát, địa chỉ trụ sở chính tại số 39/10, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) tại khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B).

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp 3702453126 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 4 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 3 năm 2019.



1.4. Mã số thuế: 3702453126

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại dự án cho người dân để tự xây nhà (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở tại Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Đức Phát đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B), diện tích 59.876,96m², dân số 1.244 người tại Quyết định số 812/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2018.

1.6.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích mặt đất sử dụng theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt là 59.876,96m², trong đó:

+ Đất ở (nhà liên kế): 33.855,93m².

+ Đất công trình giáo dục: 800m².

+ Đất hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Đất hành lang kỹ thuật sau nhà (1.878,26m²); Đất trạm xử lý nước thải, hồ thu gom và trạm bơm trung chuyển nước thải (316m²); Kho chứa chất thải (20m²); Đất hạ tầng kỹ thuật khác (1.591,67m²).

+ Đất hành lang an toàn giao thông: 2.117,41m².

+ Đất giao thông: 17.832,3m².

+ Đất cây xanh: 1.465,39m².

- Tại thời điểm cấp giấy phép môi trường, Công ty đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng thu gom thoát nước mưa, nước thải, đường giao thông, cây xanh, hồ thu gom và trạm bơm trung chuyển nước thải, công trình xử lý nước thải tập trung – Module 1, công suất 200m³/ngày.đêm (chung với công trình xử lý nước thải của Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng); chưa đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung – Module 2, công suất 260m³/ngày.đêm (chung với công trình xử lý nước thải của Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng).

1.6.2. Quy mô:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

1.6.3. Công suất: 311 lô nhà ở liền kề (111 lô thuộc Khu A và 200 lô thuộc Khu B) với quy mô dân số khoảng 1.244 người; trường học (do nhà đầu tư thứ cấp xây dựng) với quy mô 60 học sinh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi

H. C. N.
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH
H. C. N.

trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Đức Phát được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Đức Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 26.. tháng 6.. năm 2023 đến ngày 26.. tháng 6.. năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) tại khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV Tư vấn – Đầu tư Đức Phát;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-STNMT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 812/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2018 thì tổng lưu lượng nước thải phát sinh của toàn khu nhà ở khoảng $155,7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Khi số dân trong khu nhà ở khoảng 60% số dân của toàn khu thì lưu lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, cụ thể:

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh của các hộ dân trong Khu nhà ở với lưu lượng lớn nhất khoảng $94\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh của trường học với lưu lượng lớn nhất khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Sa Văn tại khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương sau đó chảy ra sông Thị Tính.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước của khu vực trên đường ĐH.613 (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng chấp thuận cho đấu nối thoát nước thải đã qua xử lý đạt quy chuẩn quốc gia cho phép trước khi thải ra môi trường tại Văn bản số 1423/UBND-KT ngày 11 tháng 5 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1.247.824,29$; $Y(m) = 596.682,15$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất từ thời điểm cấp phép đến thời điểm số dân trong khu nhà ở khoảng 60% số dân của toàn khu: $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (trung bình $4,17\text{m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý (sau công trình xử lý nước thải – Module 1, công suất thiết kế $200\text{m}^3/\text{ngày}$) (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, $K=1$) sẽ theo đường ống thoát nước riêng uPVC D114mm, dài 320m → Đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường ĐH.613 → Cống thoát nước

dài 320m → Đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường ĐH.613 → Cống thoát nước BTCT D1.000mm-1.200mm, dài 625,88m trên đường ĐH.613 → Cống thoát nước BTCT D1.500mm, dài 91m trên đường đất → Suối Sa Văn (cách dự án khoảng 720m) → Sông Thị Tính.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh của Khu nhà ở được thu gom bằng đường ống uPVC D49mm-114mm dẫn về bể tự hoại (do người dân tự xây dựng, mỗi hộ 1 bể tự hoại) để xử lý sơ bộ và Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt của Khu nhà ở được thu gom bằng đường ống uPVC D80mm-114mm; sau đó dẫn về trạm trung chuyển (kích thước: 3mx3mx3m, vật liệu

ống uPVC D80mm - 114mm. Nước thải từ khu A được dẫn về trạm trung chuyển (kích thước: 3m x 3m x 3m, vật liệu BTCT, có nắp đậy, xây âm hoàn toàn, đặt tại khu A) bằng đường cống HDPE D200mm cùng với nước thải từ khu B dẫn về công trình xử lý nước thải bằng đường cống HDPE D200mm-300mm.

- Nguồn số 02: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh của trường học được thu gom bằng đường ống dẫn về bể tự hoại (do chủ đầu tư thứ cấp tự xây dựng) để xử lý sơ bộ và Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, ... của trường học được thu gom bằng đường ống (do chủ đầu tư thứ cấp tự đầu tư); sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải bằng đường cống HDPE D200mm - 300mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải – Module 1: Xử lý nước thải chung cho Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) và Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng (theo Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng số 6853/UBND-KT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (sau bể tự hoại) + Nước thải xám → Hố thu gom (thể tích 2,6m³) → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể arotank → Bể lắng (thể tích 29,16m³) → Bể khử trùng → Đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường ĐH.613 → Hệ thống thoát nước trên đường ĐH.613.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin, mật rỉ đường, NaOH.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NDD-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến vận hành thử nghiệm 03 tháng (từ tháng 6 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025).

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào tại hố thu gom. Tọa độ: $X(m) = 1.247.829,45$; $Y(m) = 596.412,66$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải (sau bể khử trùng). Tọa độ: $X(m) = 1.247.829,85$; $Y(m) = 596.410,36$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu nhà ở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 6 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể Anoxic, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 1.247.838,66; Y(m) = 596.418,32 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3⁰*).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.200 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K_p = 1,0, K_v = 1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:****1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:**

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể Anoxic, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H₂S, NH₃, CH₃SH được thu bằng quạt hút ly tâm (*công suất 1.200m³/giờ*) qua các đường ống dẫn (*uPVC D200mm*) về tháp hấp phụ bằng vật liệu than hoạt tính để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) → Hệ thống ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*Tháp hình trụ, $D = 0,8m$, chiều cao $1,5m$*) → Quạt hút (*lưu lượng $1.200 m^3/giờ$*) → Ống phát thải (*Ống thép CT3 D300mm, chiều cao $5m$*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính dạng viên nén với khối lượng 400 kg/năm, tần suất thay than 03 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (*dự kiến vận hành thử nghiệm 03 tháng từ tháng 6 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: $X(m) = 1.247.838,66$; $Y(m) = 596.418,32$ (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn: Khu vực công trình xử lý nước thải (Tại nhà điều hành: khu vực chứa máy bơm, máy thổi khí, các thiết bị liên quan đến công trình xử lý nước thải).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X(m) = 1.247.837,42; Y(m) = 596.418,21 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-STNMT ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Hộp chứa mực in thải	302	Rắn	08 02 04	KS
2	Than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải (mùi hôi)	400	Rắn	12 01 04	NH
3	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	494	Rắn	16 01 06	NH
4	Dầu, nhớt, mỡ thải (dầu máy)	146	Lỏng	16 01 08	NH
5	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	146	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
6	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	329	Lỏng	16 01 10	KS
7	Pin, ắc quy chì thải	293	Rắn	16 01 12	NH
8	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	805	Rắn	16 01 13	NH
9	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại	228	Rắn	18 01 01	KS
10	Bao bì kim loại cứng thải: chai xịt côn trùng, chai xịt phòng...	256	Rắn	18 01 02	KS
11	Bao bì nhựa cứng thải: chai chứa chất tẩy rửa, dầu nhớt,...	200	Rắn	18 01 03	KS
12	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	146	Rắn	18 02 01	KS
Tổng khối lượng		3.745			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	12 06 10	7.154
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	58.400
Tổng khối lượng			65.554

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà liên kết, trường học bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 1.224 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng chứa, gồm 11 thùng loại 90 lít và 01 thùng loại 120 lít (chứa than hoạt tính thải) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa (đầu tư cho toàn bộ Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) và Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng):

- 01 kho diện tích 20m² (được bố trí tại khu vực công trình xử lý nước thải tập trung) để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại; trong đó diện tích khu vực lưu chứa chất thải nguy hại là 05m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa loại 120 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu mỡ thải; bùn thải từ công trình xử lý nước thải được chứa trong bể chứa bùn (dung tích 2,7m x 1,3m x 3,5m), định kỳ 03 tháng hút 01 lần.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho diện tích 20m² (được bố trí tại khu vực công trình xử lý nước thải tập trung) để lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại; trong đó diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường 15m² (đầu tư cho toàn bộ Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) và Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với khu nhà ở: Các hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo quy định, tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác dung tích 20 lít. Định kỳ hàng ngày, các hộ dân sẽ đem rác thải sau khi đã phân loại bỏ vào 06 thùng chứa loại 660 lít đặt trong khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường diện tích 15m². Hàng ngày, đội thu gom rác của thị trấn Lai Uyên đến thu gom và vận chuyển rác đến khu liên hợp xử lý chất thải của tỉnh để xử lý. Các hộ sẽ đóng phí và tự thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

- Đối với trường học: Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo quy định, tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác dung tích 20 lít (có nắp đậy) tại mỗi lớp học. Định kỳ hàng ngày, nhân viên vệ sinh trường sẽ thu gom, vận chuyển đến khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường diện tích 15m² bỏ vào 06 thùng chứa loại 660 lít. Hàng ngày, đội thu gom rác của thị trấn Lai Uyên đến thu gom và vận chuyển rác đến khu liên hợp xử lý chất thải của tỉnh để xử lý. Trường sẽ đóng phí và tự thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

2.3.2. Kho lưu chứa

- 01 kho diện tích 20m² (được bố trí tại khu vực công trình xử lý nước thải tập trung) để lưu chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại; trong đó diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường 15m² (đầu tư cho toàn bộ Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) và Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng).

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu nhà ở, trường học; hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại), trang bị các bao bì, thùng chứa (dán nhãn theo từng loại rác thải) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-STNMT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

Công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (chung với công trình xử lý nước thải của Dự án Khu nhà ở Đức Phát (Khu A + Khu B) mở rộng) được xây dựng khi công trình xử lý nước thải tập trung - Module 1, công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt 70% công suất xử lý ($140\text{m}^3/\text{ngày}$).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt từ công nhân thi công công trình xử lý nước thải tập trung module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Nhà vệ sinh của các nhà dân trong Khu nhà ở → Công trình xử lý nước thải tập trung - Module 1, công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Thoát vào hệ thống thoát nước trên đường ĐH.613.

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (bao gồm nước thải vệ sinh thiết bị thi công xây dựng và nước thải từ quá trình rửa xe) → Bể lắng tạm thời (sẽ được san ủi khi dự án đi vào hoạt động) → Hồ thu gom nước thải của công trình xử lý nước thải tập trung - Module 1 → Công trình xử lý nước thải tập trung - Module 1, công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Thoát vào hệ thống thoát nước trên đường ĐH.613.

2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải đen (sau bể tự hoại) + Nước thải xám → Trạm trung chuyển (đặt tại khu A của Khu nhà ở Đức Phát (khu A+khu B)) → Hồ thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể arotank → Bể lắng → Bể khử trùng. Nước thải sau khi xử lý (sau công trình xử lý nước thải công suất thiết kế $260\text{m}^3/\text{ngày}$) (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, $K=1$) → Đầu nối vào hệ thống ống thoát nước riêng uPVC D114mm cùng với nước thải sau khi xử lý của công trình xử lý nước thải - Module 1, công suất thiết kế $200\text{m}^3/\text{ngày}$ → Đầu nối vào hồ ga thoát nước trên đường ĐH.613 → Cống thoát nước BTCT D1.000mm-1.200mm, dài 625,88m trên đường ĐH.613 → Cống thoát nước BTCT D1.500mm, dài 91m trên đường đất → Suối Sa Văn (cách dự án khoảng 720m) → Sông Thị Tính.

2.2. Về thu gom và xử lý khí thải:

Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Hệ thống ống dẫn → Công trình xử lý khí thải (mùi hôi) được đầu tư tương ứng với tổng công suất công trình xử lý nước thải tập trung của 02

module ($460\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) (đã lắp đặt đồng thời với công trình xử lý nước thải tập trung – Module 1, công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$).

Khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ).

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

2.3.1 Trong giai đoạn thi công:

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân thi công công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Thu gom vào 06 thùng chứa loại 660 lít đặt trong khu lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường diện tích 15m^2 (đã được đầu tư, bố trí trong khu vực công trình xử lý nước thải).

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình thi công (đất, đá, phế liệu) → Lưu chứa tạm thời tại khu vực thi công công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển theo quy định; đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án (theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định), đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng → Thu gom và lưu trữ tại các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 5m^2 (đã được đầu tư, bố trí tại khu vực công trình xử lý nước thải) → Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân vận hành công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → Thu gom vào 06 thùng chứa loại 660 lít đặt lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường diện tích 15m^2 (đã được đầu tư, bố trí tại khu vực công trình xử lý nước thải).

- Dầu mỡ thải phát sinh từ công trình xử lý nước thải tập trung module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ khoảng 65.922 kg/năm → Lưu chứa trong 01 thùng chứa loại 120 lít (có nắp đậy, được đầu tư thêm) (bố trí trong khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường).

- Bùn thải phát sinh từ công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất $260\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ khoảng 8.075 kg/năm được chứa trong bể chứa bùn của công trình (định kỳ 03 tháng hút 01 lần).

2.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

2.4.1. Trong giai đoạn thi công:

- Thực hiện các giải pháp thi công công trình tuân thủ đúng thiết kế, giấy phép xây dựng và các quy định khác của ngành xây dựng. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh

quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trong quá trình thi công xây dựng.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu phát tán bụi trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển, kiểm tra giám sát, vệ sinh các phương tiện giao thông ra vào công trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, dân cư gần khu vực dự án.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Trong quá trình hoạt động của công trình xử lý nước thải tập trung, các máy móc (*máy thổi khí, máy bơm*) sẽ được lắp đặt chìm/lắp đặt trong nhà riêng, xây kín để hạn chế tiếng ồn, rung đến khu vực xung quanh.

- Bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng định kỳ; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực dự án.

- Có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để khắc phục và bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng khả năng thoát nước.

2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

2.5.1. Trong giai đoạn thi công

- Lắp đặt hệ thống biển báo, có các biện pháp tạm thời để đảm bảo an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động Khu nhà ở.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và hợp đồng với đơn vị có chức năng khai thông cống thoát nước nhằm hạn chế ngập úng, nghẹt ống thoát nước.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải:

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí (sau công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất 260m³/ngày.đêm).

- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0).

- Giám sát khí thải:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí (sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) của 2 module của công trình xử lý nước thải tập trung, tổng công suất 460m³/ngày.đêm).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: H₂S, NH₃, CH₃SH.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K_p = 1,0, K_v = 1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ).

- Kiểm tra, giám sát việc phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý. Các điểm giám sát bao gồm: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường theo quy định.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Sau khi hoàn thành các công trình xây dựng và môi trường của công trình xử lý nước thải tập trung - Module 2, công suất 260m³/ngày.đem nêu tại mục 1 phần A phụ lục này, Công ty phải lập và nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm.